

TR

AD

TH

TH

TRI-TÂN TẠP-CHÍ RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC SỐ 201

Thuyết chính danh và việc đặt tên các phố	Long-Điền
Toàn thể nhân dân Việt-nam hãy chiến đấu để củng cố nền độc-lập	Phạm-mạnh-Phan
Hương binh	Tiền-Đàm
Hạnh thực ca (VII)	Nguyễn-văn-Tổ
Một vị danh thần triều Nguyễn (IV)	Trúc-Khe
Tài liệu định chính văn cổ (LXXXI)	Ứng-hoè
Bụi đời gió cuốn	Có Lý
Giấy bạc và giá sinh-hoạt	Ngô-Cống
Kịch Yếu-ly (I)	Lưu-quang-Thuận

GIẤ BẢO

Một năm	55 \$ 00
Sáu tháng	30 , 00
Ba tháng	15 , 00
Một số	1 , 20

TÒA BÁO

95 — 97 phố Chancéaulme — Hà-nội

Đại lý Ủy Viên ở các tỉnh

Quảng-vạn-Thành 51, phố Cầu-dắt — Hải-phòng
Vũ-ngọc-Cử 40, phố Đông kiều — Hải-duong

Hỡi các bạn

THANH NIÊN

Trước sau một việc ! Trên
đuôi đồng lòng ! Xưa chiến-sĩ
đời Trần đã thích ở tay chử
« **SẮT THẮT** » ta nay cũng
thích « **SẮT PHẤP** », vào hàng
ngũ, chống lại chế độ thực dân !

Hãy đem máu đào giả nơ
non sông í

Nòi-giống ta còn mất là
trọng lúc này !

BẮ CẤP CẦN KÍP

Các bạn đọc đã nhận được giấy
nhắc tiền báo, xin mua ngân phiếu
gửi về tòa báo ngay cho. Cảm tạ
Ty trị-sự TRI-TÂN

GIỚI THIỆU

— **THẬP ĐẠO TƯỚNG-QUÂN** của Nguyễn-khắc-
Trạch — bi kịch cổ điển — Hải-phòng nhật báo
xuất bản — giá 4\$.

— **NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG** truyện ký của Phan-
trần-Chúc và Lê-Quả — Nhà xuất bản Quốc-Văn
giá 7 \$ 50 và 6 \$ 50.

Xin cảm ơn các nhà xuất bản.

T. T.

THUYẾT CHÍNH DANH VÀ VIỆC ĐẶT TÊN CÁC PHỐ

LONG-ĐIỀN

DHÀM ở đời, cái gì chính định thì mới tồn tại, mà cái lẽ chính cũng chỉ có một dù cỏ hay kim, dù đông hay tây, dù nam hay bắc cũng thay đổi.

Danh có chính thì ngôn mới thuận.

Những việc mà được lòng người, đều là việc chính định cả.

Nói ngay đến việc lấy tên lịch sử đặt vào đường phố, tỉnh lỵ, tuy không có thể cách nhất định nhưng xét nghiệm kỹ, thì từ thời cổ đến cận kim, từ tân thế giới đến cựu thế giới, đều theo vào thuyết chính danh, mà có căn cứ vào một vài nguyên tắc chính.

1. Theo việc xảy ra mà đặt.

2. Theo sự nghiệp thành bại mà ghi.

Núi không phải cao mà quý, quý vì có danh nhân ẩn náu; sông, không vì sâu mà trọng, trọng vì có danh tướng đóng binh; cho nên ta thường nói các bậc anh hùng có công to thì non sông là thế.

Cổ văn có câu:

Tự cổ giang sơn nhân bất đổi,
Đán quy danh sĩ, bán anh hùng.

Dịch:

Non sông ai dễ dễ yên,
Bất thần danh sĩ, gương thiêng
anh hùng.

Thành Hà nội có tên là Thăng Long, cũng vì vua Lý Thái Tổ thiên đô về đó, có thấy điềm rồng hiện.

Hồ Hoàn kiếm nổi danh trong lịch sử, cũng chỉ vì vua Lê Thái Tổ, sau 10 năm bốn bề, thu Lôi giang sơn, trả lại thần vũ lưới gương linh định quốc.

Gò Đống đa có gì là đẹp đẽ, thế mà nghìn thu tồn tại vàn thế lưu danh, chả qua chỉ vì cái vũ công oanh liệt của Quang Trung Đế ngày mồng 5 tháng riêng năm kỷ Dậu (1789).

Ở nước Tàu, một cái đảo nhỏ ở ngoài bể đông, chỉ vì tiết tháo của bọn Điền Hoàn không chịu thờ nhà Hán, mà tên «*Đảo Điền Hoành*» còn ghi trong sử sách, treo tấm gương cao nghĩa để đời cùng soi.

Lại như thành «*Hoa thịnh Đồn*» bên Mỹ, tỉnh Leningrade bên Nga, v.v... đều đề kỷ niệm những bậc vĩ nhân đã tận tụy hy sinh cho non sông chúng tộc.

Xét vậy đủ rõ, việc lấy tên lịch sử đặt vào các phố, không

thể ra ngoài thuyết chính danh cho nên ta thường thấy những tên núi tên sông, tên làng, tên phố đều theo di tích, dấu vết của người xưa mà đặt.

Ở Hà nội, xưa có ba mươi sáu phố phường, hàng muối, hàng đường, hàng muối trắng tinh, phố nào bán thứ hàng ấy. Hải phòng, có quán Bà Mán, có đường Quán ngựa, có ngõ Ba Chía, có phố Đường Cát, có bến Ngự, có phố Đình, đều là những tên phố dân gian tự đặt, theo vết xưa dấu cũ của thời gian qua.

Như thế, đủ thấy thể cách đặt tên phố xưa nay căn cứ vào thuyết chính danh cả nghĩa là phải tìm hiểu những dấu xưa vết cũ của các bậc tiên hiền đã có công to điển noi sông gấm vóc mà đặt, chứ không nên bở dờ, nhớ tên nào đặt phố ấy, không có phương pháp thể cách, e danh không chính thì ngôn không thuận vậy.

Mới đây, nước ta được giải phóng, ba thành phố được thu hồi, lẽ tất nhiên, tên các phố phải đổi lại theo tình thế bây giờ.

Có ông bạn bạn chia thành

phố ra từng hộ, mỗi hộ sẽ đặt một tên thời đại lịch sử, theo thứ tự thời gian, chẳng hạn :

Hộ nhất là Hộ Hồng Bàng
— nhì — — Tự Trị
— ba — — Đinh Lê
— tư — — Lý Trần
— năm — — Lê Thái Tổ
— sáu — — Tây Sơn
— bảy — — Triều Nguyễn
— tám — — Độc Lập.

Trong mỗi hộ, các đường phố, công viên sẽ lấy tên những danh nhân và sự nghiệp của thời đại ấy. Thí dụ : như trong Hộ Hồng Bàng thì lấy tên Hùng Vương, Lạc Long, Văn Lang, Phù Đổng Thiên Vương, Sóc Sơn, Lân Viên, v.v... mà đặt các phố và công viên.

Như trong Hộ Lý Trần, thì lấy tên Trần quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Lý Thường Kiệt Tôn Đản v.v...

Làm thế để dân chúng không ai quên nhớ tên, nhớ việc, nhớ di tích, mà ai còn thuộc được những thời đại quan trọng trong lịch sử, và nhớ một cách rõ rệt dân nhân rạo ỡ vào thời đại nào.

Ý kiến trên đây thật cũng là một đề nghị xét kỹ thì không tiện và có nhiều phiền phức :

I) Những dấu tích, đền đài, lăng tẩm, không thể nhất luật sắp đặt thời đại nào vào hộ thời đại ấy được; chẳng hạn như : Hồ Hoàn Kiếm mà ở vào Hộ Đinh Vương, đền Hai Bà ở vào Hộ Lý Trần, đền Nghè thờ Lê hầu ở vào Hộ Đinh Lê.

2) Có khi liền nhau hai dấu tích của hai thời đại, thì khó mà giải quyết.

Như thế, ý kiến của ông bạn trên đây không thể thi hành được.

Phi cổ bất thành kim, ta lại cứ phải theo thuyết chính danh là cái luật chung, danh có chính thì ngôn mới thuận.

Vậy cứ như ngu ý, xin tạm bàn lấy ba nguyên tắc sau đây

I. — Các đường cứ lấy theo hồ giải mà làm một phố, chứ không cắt làm hai ba phố.

II. Theo tờ Thông tư của ông Bộ Trưởng Nội Vụ thì chỉ coi lấy tên các danh nhân để đặt tên phố, nhưng theo thiển kiến, muốn cho quốc dân không quên nhớ tên, mà còn nhớ cả những sự nghiệp lớn lao, rực rỡ, vẻ vang cant-lệt của các đấng tiên-biên đã dày công xây đắp, đem tô cho non sông chúng tộc thì nên cho rộng lấy cả các tên những vũ công, chiến trận, quốc hiệu, niên hiệu của các đời biên bách, và cả những tên sông to, núi lớn, địa danh, danh lam thắng cảnh, danh lam thắng cảnh, danh lam thắng cảnh.

III. Danh nhân, lấy nghĩa rộng là những người có tên trong lịch sử; nhưng lịch sử ghi các việc xảy ra, nên xếp cả người hay kẻ dở, vì tất cả trong lịch sử có cả gian nhân ác-tử. Trong trường hợp này, phải lựa chọn trung danh nhân có khí tiết, nghĩa là vua, tất phải là anh quân; quan tất phải là trung thần; tướng, tất phải là lương tướng và những đại gia văn tự, hiền sĩ, anh hùng, trung trinh liệt nữ, chứ còn những kẻ gian tà,

sâm nịnh, ý đồ, cậy quyền không làm được việc gì ích cho dân nước, thì không nên chọn.

Đến như những kẻ, hoặc vì sự phụ họa thực dân, hoặc vì dựa thế lực của người Pháp mà có địa vị, danh vọng trong thời Pháp thuộc thì cũng nên bỏ. Việc lựa chọn danh nhân này cũng rất quan trọng, phải có lòng vô tư mà xét đoán, tiếng thế, việc này cũng là một cách phẩm bình sự nghiệp tư cách của các danh nhân trong lịch sử.

Cũng có người có tài, có danh, nhưng khi tiết không có, cũng đành phải bỏ.

Phạm vi bài này, không phải là phê bình nhân vật quốc sử, nhưng tôi cũng tạm nêu ra một vài ví :

Thí dụ : Trần-thế-Độ là công thần của họ Trần mà là phản tặc của họ Lý, sự nghiệp không có gì ảnh hưởng đến toàn thể quốc dân :

Hồ quý-Lý có tài cải cách, có chí sáng kiến, nhưng giá trị đóng tài chỉ ấy mà phục sự quốc gia dễ gây hạnh phúc cho dân chúng, thì ngả nghiêng không mở tiếng, vạn thế phải gài ơn. Nhưng, than ôi ! lòng tham không đáy, ích kỷ hạ nhân, thì hành sự theo đuổi, thế đến nay vẫn mang tội phản tặc :

Kể còn nhiều, phải lấy trí sáng suốt vô tư mà xét đoán, vậy những bậc học giả đương cái việc đặt tên các phố xin phải hết lòng chú ý.

Theo ba nguyên tắc trên và theo thuyết chính danh thì việc lựa chọn tên lịch sử để đặt tên các phố phải tùy địa phương mà cụ thể vào những điều sau đây :

1.) Phải khảo cứu xem nơi nào có dấu tích gì của bậc danh nhân nào, thì lấy ngay tên những vị ấy đặt tên phố đó.

2.) Phải khảo xét xem những bậc danh nhân nào có liên lạc, xa, gần nhiều ít với thành phố hoặc có làm việc gì có ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến địa phương hoặc có qua chơi, ăn năn, trú ngụ, đồn binh, mộ lính trong địa hạt, thì nên lấy tên đặt phố.

3.) Nếu theo hai điều trên mà thành phố nào ít có di tích của cổ nhân, thì phải lấy những tên các bậc vĩ nhân trong nước, và rộng hơn tài liệu ở nguyên tác II trên.

Về thành phố Hà-nội, đã có nhiều báo bản luận, và ngay trong tạp-chí này, ông bạn Nguyễn-Tường-Phượng cũng đã có bản trong bài. « Góp ý kiến trong việc sửa đổi tên các phố trong tỉnh Hà-nội » ở số 197 ngày 26, 7, 45.

Nay đến thành phố Hải-phòng, theo những thể cách và nguyên tắc đã nói trên, tôi xin kể dưới đây một vài dấu tích xưa mà tôi được biết, về một vài danh nhân có ảnh hưởng đến thành phố Hải-phòng.

1.) **Phạm-phú-Thứ** — Từ năm giáp Tuất (1874) Triều-định bắt buộc dĩ phải ký hòa ước với nước Pháp ngày 15-3-1874, theo điều khoản thứ 11, phải mở cửa bờ Ninh Hải (tức là Hải-phòng) cho vận quốc thông thương. Sau khi ký hòa ước và thương ước, triều đình lại cử ông Phạm-phú-thứ, đang làm Thứ-Thượng Thư Hộ Bộ, ra làm Hải-An

Tổng-dốc (Hải-dương và Quảng-An) sung chức Tổng-lý Thương-chánh đại thần Khi ấy ông lập ra Hải-phòng và đặt Nha Thương-Chánh, hiện nay còn di tích, bên đường đầu cầu Joffre ở bến Hạ-lý.

Để ghi việc trên, con đường phố tây (Pavé Bert) về đến cầu Ciment, ở Hạ Lý qua cầu Joffre đến tận ngã sáu, tưởng nên đặt là con đường Phạm-phú-Thứ thì rất phải.

Cái cầu Joffre ở gần Nha Thương-Chánh xưa hiện còn di tích đó, nên đổi đặt là cầu Phạm-phú-Thứ.

2.) **Thành-Thái**. — Năm 1902 ra. Bắc đẩu lễ khánh thành cầu Sông-cái Hà-nội, có tới Hải-phòng đổ ở bến (ngay nhà thương tây cũ); bến đó vẫn gọi là Bến Ngự tức là vua Thành Thái ngự ở đấy lên bộ. Vậy con đường thẳng từ Bến Ngự qua nhà thương cũ, nhà Bưu điện, gồm phố La-Côm, phố Cầu-Đất, cả đường Lạc Tray đến Cầu-Rào, nên đặt tên là đường Thành-Thái.

Cầu Rào cũng vì thế nên đổi là Cầu Thành-Thái.

3.) **Bảo-Đại**. — Khi vua Bắc-hành, tới Hải-phòng có ở một tòa nhà tại con đường Beauvois nay nên đổi phố đó gọi là phố Bảo-Đại.

4.) **Phạm-tử-Nghi**. — Đức thánh Nê-m ở vùng Đôn-Nê-m, vậy xin lấy con đường từ cầu Lâm Hạ tức là Cầu Nê-m, thẳng đến phố Bonnal qua nghĩa địa tây, gọi là đường Phạm-tử-Nghi.

Cầu Lâm-Hạ, cũng vì thế, nên đổi là cầu Phạm-tử-Nghi.

5.) **Ngô-Quyền**. — Một vị anh quân nơi đầu Bà Trưng mở nền độc lập cho nước nhà trước Đinh,

Lô, Lý, Trần hiện có thờ ở miếu Ba-Xi, gần huyện Hải-An, dân chúng rất tôn sùng thường kiêng chữ Ngô, nên gọi cây ngô là bắp. Vậy nên lấy con đường từ phố Bonnal, gồm phố Meun sau đến Nghè ra đường mới mở thẳng đến trường học Hải-An, gọi là đường Ngô-Quyền.

Trường học Hải-An, nhân thế cũng nên đổi gọi là Trường Ngô-Quyền để học trò hàng ngày nhớ đến sự nghiệp và công lao của vị anh quân đó.

6.) **Lê-Chân**. — Nữ tướng Bà Trưng có thờ ở Đền Nghè, dân chúng cũng rất tôn sùng hay kiêng chữ chân không dám gọi, nên thường gọi cái chân là cẳng. Vậy xin đặt con đường cạnh đền, thẳng gồm cả phố Chavignac (Cổ-đạo) là đường Lê-Chân.

Trường con gái ở ngay trước cửa đền, nhân thế cũng nên đổi là Trường Bà Lê-Chân thì thật hay mà lại có ý nghĩa.

7.) **Bạch-Thái-Bưởi**. — Một kiện tướng trong nghề hàng hải nước ta, có nghị lực, có quả cảm người ngoại quốc phải nể sợ, thật là một người anh kiệt làm vẻ vang cho giống nòi. Lúc sinh thời có đặt trụ sở của ông ở phố Ba-ty, ngôi nhà ngay hậu Barthol Charrière cũ, hiện nay là Đại-Ấn từ lâu. Vậy xin lấy con đường gần từ vườn hoa Jules Ferry gồm phố Ba-ty, phố khách thẳng xuống phố Hàng Cầm gọi là đường Bạch-Thái-Bưởi thì thật đáng cả danh đức lẫn nơi khi của ông, vì ông là một nhà doanh nghiệp nên để vào một con đường buôn bán sầm uất.

(Xem tiếp trang 17)

Trước giờ cứu quốc

TOÀN THỂ NHÂN DÂN VIỆT NAM HÃY CHIẾN ĐẦU ĐỂ CÙNG CÔ NỀN ĐỘC LẬP

PHẠM MẠNH-PHAN



CHIẾN tranh đã kết
hữu.

Các tù binh pháp
và các Pháp kiều đã
lắm là muốn khởi sự dề gây
lại cừn báo hộ ở xứ này.

Hai chiếc tàu ngầm Pháp
đã xuất hiện ở cửa bể Hải-phong
nghe dấu dề nhờ mộ. võ quan
Mỹ đứng đầu đình với binh
gia Nhật trao lại giường này
chính trị trong toàn lĩnh tồ
Đông Dương cho họ như xưa.

Cánh phủ lạc hậu De Gaulle
đang dề đình ngoại gia với
tổng thống Mỹ Truman dề ủng
hộ thủy sư đô đốc Darganlieu
sang làm toàn quyền Đông
Dương.

Ngoài ra lại nghe dấu hơn
năm nghìn sĩ quan và binh
lính Pháp chạy trốn sang Tàu
sau cuộc đảo chính hôm 9.3.
1945 đang sửa soạn trở lại đất
này với những khi giới họ đã
mang theo.

Đồng thời ở ngay đây, các
Pháp kiều đang vận động dề binh
gia Nhật trả lại khi giới họ bị lột
khua trước dề rồi chém giết đồng
bào ta. Các người Pháp được tự
do ở trong thành phố đang âm
mưu sắm sửa các khí giới và súng
ống dề đợi ngày khởi sự. Ty lêm
chống kinh tế Việt nam luôn trong
hai tuần lễ này khám phá được
số nhiều khí giới của bọn Pháp
đã tích trữ dề trả thù chúng ta.

Thái độ khiêu khích của phần
đồng dân Pháp từ sau khi có tin
đình chiến Nhật với Đồng Minh đã
làm nổi dậy lòng công phẫn của
toàn thể dân Việt.

Trước bao nhiêu tin đồn dập
đáng ta nghe toàn thể nhân dân
đều hồi hộp từng giây từng phút.

Không bao giờ bắt gặp nhà. hết
thầy mọi người trong các giới đều
sôi nổi trước những sự âm mưu
ghê gớm của quân tham tàn đình
lại dấy xáo lên đất nước này.
Một cuộc bêu tình lớn hơn 20 vạn
người đủ cả giới đã dề qua các
phố trong tỉnh Hanoi và hô các
khẩu hiệu chiến đấu!

Giờ nghiêm trọng đã tới!

Chuông cứu quốc đã vang rộ
khắp mọi nơi!

Trước cái họa chung của giống
nòi, những ai là người Việt-nam
bây sẵn sàng dề đổi phé và tránh
cái họa diệt vong cho người đồng
chúng.

Bây đứng hết cả dậy, hỡi các
bạn! Lịch sử của đất nước đón
ở chúng ta những trang vẻ vang
oanh liệt.

Hãy chiến đấu một cùn một
mất. Không bao giờ chúng ta,
con cháu những bậc anh hùng
cứu quốc khi trước như Trưng
Trắc, Trưng Nại, Lê Lợi, Quang
Trung và nhiều vị khác, lại chịu
uốn mình làm tôi tớ bọn thực
dân Pháp một lần nữa.

Ở trên dải đất này họ từ sa
hôm đảo chính không còn là người
đồng bào nữa. Cái vết quạ sau non
thế kỷ dưới quyền họ là trên hai
triệu đồng bào ta đã phải chết
thê thảm trong cơn đói rét!

Trông thấy bóng họ, ta gớm!

Nhìn thấy mặt họ, ta tởm!

Chỉ những kẻ vô lêm sỉ nãi
cả cá tính con người mới tay bắt
mặt mừng với họ.

Chúng ta lấy vạch một con
đường máu trên lịch sử dề duy
tồn nền độc lập của nước nhà.

Trước quốc nạn, chúng ta hãy
cùng nhau cam kết đánh đuổi kẻ
thù chung.

Trăm nghìn người như một
Hãy hợp thành một khối duy
nhất dề gây lực lượng lớn lao
tho nỗi giống.

Trong lúc này chia rẽ là đi tới
cối diệt vong và giúp cho kẻ địch
lợi dụng thời cơ dề phản tuyên
chuyến của ta.

Không có người Việt-nam nào
cộng sản, bảo hoàng hay xã hội
hay dân chủ.

Cả có người Việt nam da vàng
chống lại nạn xâm lăng của giặc
Pháp.

Kuông có ai là trí thức hay lao
động là tư bản hay vô sản.

Chỉ có người thanh niên, một
lòng hăng hái đánh đuổi quân
cướp nước ra khỏi bờ cõi.

(Xem tiếp trang 20)

HU'ONG BINH

TIỀN ĐÀN

QHIỀU thứ bảy, 11 tháng tám dương lịch, trên màn ảnh rạp chiếu bóng Eden có chiếu những thời sự ở Đông-Dương. Một điều đáng làm cho tôi chú ý nhất là đoàn quân nghĩa dũng ở Cao Mên, Nam bộ và Bắc bộ đang huấn luyện và thao diễn dưới sự chỉ bảo của võ-quân.

Những thanh niên sung vào các đạo binh nghĩa dũng đều được lựa chọn rất cẩn thận.

Hơn lúc nào hết, đứng trước tình thế hiện thời của nước nhà chúng ta cần phải có một đạo quân nghĩa dũng rất hoàn bị để phòng sự bất trắc và cả nạn ngoại-sâm nữa. Đáp lại tiếng gọi của Tổ quốc, thanh-niên cần phải sẵn sàng hi-sinh trong lúc này, ngoài ra các làng tuy có đặt Bảo an nhưng chưa hẳn đã hoàn bị, sao ta không phỏng theo lối hương binh dưới triều Cảnh Hưng nhà Hậu Lê mà tổ chức thêm.

Đề biện tài liệu cho các nhà quân sự tôi xin phép trích dịch mấy đoạn trong các tờ chiếu dụ đời ấy :

Năm thứ hai niên hiệu Cảnh Hưng, đời Lê Hiền Tông (1741) ban chủ dụ cho các xứ Sơn Nam, Sơn Tây và kinh Bắc như sau đây :

« Kén chọn quân lính là để giữ gìn lương dân, trấn áp

trộm giặc. Nay bọn gặc ở Hải dương trấn trá h chưa giết được, không những cướp bóc tham tàn mà t.ới, làm cho sôi nổi một phương, khiến người đi lại ph.ền nhiều, đến nỗi ba trấn chưa yên ; những người giữ trách nhiệm yên dân, sao nỡ để điềm nhiên ; ta ngày đêm lo nghĩ, một lòng thương dân cứu vớt kẻ tai nạn, cốt tùy thời chế nghị, vì thế chọn võ t.ội võ t.ội làm Chương đốc hết thảy giao cho công việc quản dân một xứ, cho chiếu theo các huyện trong hạt, chiếu theo nhân xuất, chọn lấy hương binh, ba đình lấy một, hoặc hoàng nam (đến 18 tuổi gọi là hoàng nam) ít mà đình số nhiều, cho chiếu thực số lựa chọn, và tùy chỗ đặt ra đồn trại canh phòng trộm giặc. Đây là cam sự ác, giữ lương dân, công việc nên làm gấp, nên kính cần đức ý của Triều đình, nghĩ một lần khó nhọc chín lần thông thả, nên cố sức gia công, nếu viên quan nào tỏ lòng trung nghĩa, cử hợp dân đình, đi theo đánh giặc, cho kẻ rõ số binh đình, nộp ở quan Chương Tổng đốc, nên chiếu số nhiều ít đề nghị ban thưởng như văn thì từ chức giám sinh giở lên, võ t.ội thuộc viên giở lên, thị n.ội giám từ chức phụng thị giở

lên và các chức tạp lưu nếu quả thực cử hợp những dân đình trong làng hay trong tổng từ 100 người giở lên được thưởng một trật, 200 người giở lên được thêm d.ĩ d.ĩ như được 50 người giở lên chưa đủ số 100 thì cho miễn nhiệm có thể tự.

Năm Cảnh Hưng thứ ba (1742) vì nhờ phép mộ hương binh các vệ lính ở phủ đã có kén hương binh sung vào. Lại có chiếu dụ như đây :

« Binh là việc lớn trong nước sở dĩ giữ gìn nhà nước trấn áp được giặc cướp, ngày xưa nhà Ân, nhà Chu binh với dân hợp làm một, trông coi được yên ổn.

Đến đời Đường đặt phủ binh ở các vệ, có cái tiện làm lính không có cái phí nuôi lính, phép ấy thật là bất chước đời xưa.

Nước Việt ta từ đình, Lý Trần đến triều Lê ta binh Ng.õ đều kén chọn những đình t.ĩng 4 trấn sung vào đôi ngũ h.ĩng còn ở sổ sách. Bắt đầu từ đời Trung hưng, tuyển dùng quân 2 xứ Thanh Nghệ ở kinh tr.ĩ h.ĩng, gần đây cũng có lúc kén quân 4 Trấn đình làm sổ quân, nhưng mà có lúc kén chọn thái v.ĩ, không có chuẩn định, nay những bọn g.ĩng cổ nổi dậy như ong, chốn biên giới chưa yên, quân 2 xứ thường bị sai đi, thành ra riêng ch.ĩng khó nhọc, khổ sở, tuy thỉnh thoảng có kén lấy hương binh,

(Xem tiếp trang 26)

Khanh Thục Ca

của NGUYỄN - THI - BÍCH

357

Ung-hoà NGUYỄN-VAN-TẾ

Nào ngờ nhiều nỗi chẳng may,
 Túc-vi (1) sáu tháng, bệnh rày lại mang.
 Hết lòng khẩn vái thuốc thang, (2)
 Gẫm đau số-mạng, ý khôn cải trời.
 Nương máy phút sớm lếch vơi,
 Năm thân (3) tháng sáu rụng rời cảnh xuân.
 Tướng ơn quyền cố truân-truân,
 Mười phần báo bổ, chút phần chưa đền.
 Luống làm tiện việc chẳng kiêng,
 Bồi-lãng (4) nay cũng phụ bên-cấm thành.
 Nghĩ đời nhiều chuyện trở-trình,
 Bổng đâu lại có sự sinh nhường này !
 Di-ngôn cũng có lời nay
 Cũng là nên-thiếu em rày khiến trao.
 Thật chẳng nào dễ biết nào,
 Nghe rằng di-chức truyền giao phụ-thần.
 Kỳ cảnh với lại Gia-hàng,
 Dem lời phải chẳng phân trần tâu qua.
 Phán rằng : « Việc có quan-gia, (5)
 « Đề xem triều - sĩ nói ra thế nào ?
 « Nóng lòng cần nghĩ không nao,
 « Phên dầy dũ dễ mèo cáo động vầy.
 « Tiên - mưu vốn đã định rày
 « Luống là rước vạ chẳng hay giữ mình.
 « Luống trên há chẳng thấu tình,
 « Chấn lo nội loạn triều-dinh khôn an. »
 Dự truyền « Di chúc có ban,
 « Bảo-phò phó mặc các quan lo lường. »
 Mừng thăm quốc-bình quyền, đang
 Lăm-phò thiếu-chúa chi màng trưởng-quân.
 A việc ý khôn phân
 Cơ-quan quý-quyết, ai chẳng lắc đầu.
 Càng lo nghi-lạc về sau,
 Còn kia cốt nọ chấp nhau lạ nhường !

Đề lòng ai dám nói bàn,
 Việc Đình-Phùng độ ngay can tch gì.
 Cùng nhau vâng thuận một bề,
 Hỡi xem việc nước an nguy sau này.

Không ngờ có nhiều nỗi chẳng may, là vua Kiến-p.úc lên ngôi mới được sáu tháng (từ 30 tháng 6 năm quí mùi, tức 29-11-1883), thì mang bệnh, tr.ều-dinh hết lòng cúng vái và thuốc thang... Gẫm ra sống chết có số, không thể cải được mạng trời ; cho nên vút chốc vua Kiến-phúc đã v.ở. lên tiên, vào mùng 10 tháng sáu năm giáp-thân tức 31-7-1884. Tướng đồn ơn trên quyen-cổ, tài mười phần chưa báo-đáp được một phần. Muốn làm cho tiện việc không kiêng-kị gì, bèn tâu vua Kiến-phúc ở Bồi-lãng phụ bên Cấm-trần. Nghĩ đời nhiều nỗi trở-tr.ình, bỗng không lại sinh ra những việc chẳng lành ! Nguyên khi vua Kiến-phúc băng, có di-ngôn giao quyền cho người em nhỏ tuổi, là Ung-Lich, tức Hàm-ghi. Thật hay giả cũng không ai biết, chỉ nghe sáng có giao di-chức cho phụ-chấn-đại-thần, đức ông Kỳ-an và Gia-tung dem lời phải trái đề phân trần, thì có chỉ truyền rằng : « Việc có quan-hệ đến nhà vua, tại đề xem tr.ều-dinh sĩ-thứ bàn-lập thế nào ? Nóng lòng nghĩ nông-nổi thì không nên, vì như cái phên dầy thì mèo cáo sao d.ợ ? Bàn định gì cốt phải dự mưu trước, đừng rước vạ lại tai-vạ vào mình. Luống trên há chẳng biết hay sao ? Cui sợ trong nước nổi loạn thì tr.ều-dinh không yên. » Dự truyền rằng : « Có tư di-chức, về việc phó vua giúp nước thì phó n.ào các quan » Mừng thay thế nước lúc bấy giờ, ai cũng lăm lăm phó thiếu-chúa, chứ không màng đến trưởng-quân. Những việc họ-vi không ai phân được, thật là cơ-quan quý-quyết ai m.

chẳng phải lúc đầu? Chẳng cần gì về sau khen chê, cảnh kia cội nọ chẳng nhau thật là từng! Ai ai cũng chỉ đề bụng mà không dám nói, xem như việc Đình-Phùng năm trước, là trung thẹn ra cau, mà chẳng ích gì. Đánh cùng nhau chịu thuận một bề, chớ xem việc nước về sau yên hay nguy thế nào.

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

1) Tác vì do chữ tức vị nghĩa là lên ngôi vua.

2) Câu trên chữ « thang » mà câu dưới chữ « khôn » thì hình như lạc vận, nhưng tiếng Huế thường không phân biệt chữ n với ng, có lẽ đọc theo giọng Huế thì hiệp vận chăng.

Đoạn này bà Nguyễn - thị - Bích chép là « Hết lòng khẩn vái thuốc thang », nhưng sách lại chép như sau này : « Bà Học - Phi là vợ thứ ba vua Tự - đức, nói dạy vua Kiến-Phúc lúc ấy còn gọi là Mệ-mền », cho nên ngay khi vua Kiến - Phúc mới lên ngôi, bà Học-Phi có quyền thế lắm, vì vua tin cậy hết cả ở bà. Nguyễn-văn-Tường quen biết bà Học - Phi đã lâu, có người xấu bụng nói vụng rằng ông ta đối với bà có cái cử chỉ quá trớn - kính, không hề bỏ sót một dịp nào để gặp bà, mà khi vua Kiến-Phúc mắc bệnh đau mắt, ông ta lại càng chăm - chú đến vua cùng đến bà trông nom vua. Vua Kiến-Phúc đã nhiều lần thấy ông chăm thuốc là của ông đưa cho bà mẹ nuôi hát, nhưng vua không nói chi hết. Có một đêm vua hình như thinh thía ngủ, nghe thấy hai người nói chuyện, vua để cho Tường nói ít lâu, rồi bỗng chốc quát to lên rằng : « Tao lành, tao chặt đầu cả ba họ ! » Phụ-chánh thấy nguy, đến nói nhưng tự nghĩ rằng : mình chẳng phải đi đâu cử triết kẻ nhân đông là hơn cả. Rồi xuống thái-y-viện, ở đây đã làm thuốc cho vua rồi, nhưng Tường hét ra không hay, bèn bốt theo cách riêng của mình Bà Học-Phi thì khuyên vua sống. Đến sáng hôm sau thấy chết cứng ra. Hôm ấy là mồng 10 tháng sáu năm giáp thân, tức 31 tháng 7 năm 1884. Lên ngôi được tam tháng, đến hôm sau người em út là Ứng-Lịch lên thay, hiệu là Hàm Nghi.

« Đầu tháng lóm lóng năm 1884, Lê-na (Rheinort) được tin Cha Thơ (là thông-ngôn chính-thứ ở Trương Bực) báo cho biết rằng : vua Kiến - Phúc chết vì ốm đã lâu, nay em lên thay. Lê-Na kháng cự, thấy triều-đình rõ ràng pha hiệp ước A - n ò n g (Harmard) bên xin mệnh-lệnh ở bên Ba-lê (Paris) Gian Phe ly Jules Ferry) điện thư cho quan sứ Mi-sô (Millot) lập tức

cho một liên đội vào Huế để giữ thành và tôn vua mới là vua Hàm-Nghi. Quan sứ Ghe-li-ê (Guerrier) lĩnh công - việc ấy. Cùng với 600 lính và hai pháo đội xuống tàu Ta-lơ (Tern), đi thẳng vào Huế, chẳng mấy ngày đến nơi, thì cửa thành đóng, nhưng rõ-ràng là không sửa soạn gì để kháng-cự cho chắc chắn. Ghe-li-ê bắt mở cửa thành, thì phụ - chánh Trương nói rằng ra việc khác, rồi lấy cớ là hiệp-lâm với Lê-Na, nên gần lòng đến - đình để ký một tờ hiệp-ước khác. Ghe-li-ê cho người trả lời rằng hiệp - ước Ba-lơ-nốt (Patenôtre) vẫn thi - hành, nên trong hạn 12 giờ mà không làm theo ý ước, thì sẽ bắn vào cung điện. Ngày 16 tháng 8 năm 1884, vào khoảng ba giờ chiều nghĩa là trước khi hết hạn một tý. Nguyễn-văn-Tường đến Công-sứ-quán để xin với Ghe-li-ê và Lê-Na hoàn toàn qui phục. Lê-Na nói ý rằng : cái lễ công-bằng thì hai phụ-chánh phải đi lên hội đồng quân-pháo (lòe án binh), nhưng Ghe-li-ê cũng muốn cho xong chuyện, nên nhận lời xin lỗi của hai phụ-chánh, rồi cùng hợp ý đến sáng hôm sau sẽ tôn vua Hàm-Nghi. Ngay khi Nguyễn - văn - Tường trở về, Ghe-li-ê đi ra Mang-cá, cho kéo cờ Pháp ở chỗ trại lính bấy giờ. Đến 9 giờ sáng hôm sau là 17 tháng 8 năm 1884, Ghe-li-ê và Lê-Na cùng 25 quan binh vừa thủy vừa bộ đem 160 tên lính đi vào cung điện. Ông ta không đeo gươm, vào cửa gừa, đi theo sin nọp - lộ để chống không. Tối lại ngay sáng vua lâm bệnh đã bị-tính hạn-qu nhất. Lúc trở về thì cửa giữa đóng, phải đi ra cửa bên.

« Lê-Na cũng với quan năm Ba nô (Pernot) làm gặp việc đóng trại lại ở Mang-cá. Còn Tường, thì như người ta đã đoán trước, càng ngày càng rầy rà, viện cớ rằng tờ hiệp-ước mới ký chưa phải - chuẩn, điều thứ 5 (là điều đặt quyền bảo hộ (bị ép phải ký, nay nước Pháp đem quân đến đóng như thế, sẽ làm cho lương dân rối loạn, v.v. » (Dịch một đoạn ở bài A. Delvaux Quelques précisions sur une période troublée de l'histoire d'Annam, đăng trong Bulletin des Amis du Viêt Nam Huế, năm 1941, tr. 251-253).

3) Năm 1884 là năm giáp-thân dương - lịch là năm 1884

4) Bồi-lãng là tên lăng vua Kiến Phúc.

5) Quan gia là ngôi thiên tử, do chữ « tam vương quan thiên hạ » nghĩa là « đời tam vương (Hạ Thương Chu) coi thiên hạ là việc của mình, đời ngũ đế (Phục-hi, Thần-nông, Hoàng-đế, Nghiêu, Thuấn) coi thiên hạ làm nhà của mình, nên gọi vua là quan gia ».

Vũ phạm Khải

MỘT VỊ VĂN HỌC DANH THÂN TRIỀU NGUYÊN

364

TRÚC-KHÁI

Đọc những bài thơ ở phần biến-phong biến-nhã trong kinh Thi, ông nói:

— Đó là những bài thơ của người hiền - nhân quân-tử thương thời xót tặc, lo gièm sợ chê mà làm ra.

Đọc những thơ Bạch-hoa, Nam-cai, nói:

— Người con hiếu được nuôi cha mẹ, thật là khó thay!

Đọc sử đời Ngũ-dại, nói:

Cái tiết của kẻ làm tôi thật sạch nhẵn như mặt có chẳng chỉ còn được một mình Hàn Thông.

Nói về văn nói:

— Văn đời Tây-hán trọng hạn có khí lực.

Nói về thơ nói:

— Thơ suốt đời Đường, không thơ nào cao bằng thơ Đỗ (Đỗ phủ), chẳng những phép tắc chặt chẽ mà lời lời ưu ái càng không có thơ của nhà được.

Đọc thơ Đào Uyên-minh đến câu « Thái cực đồng lý hạ, du nhiên kiến Nam-sơn » (1), nói:

— Ông cụ này rất nhiều tư ái, cái tâm sự trong câu thơ đó, cũng càng một tâm sự với việc thường đề niên biểu nghĩa-hy (2).

Nói về khoa cử ông nói:

— Rất hại cho tâm-thuật, vì nó trói buộc người ta quá. Nhưng ông Chu, ông Trình cũng còn phải theo, làm thế nào mà không học được.

Nói về thức-lượng ông, nói:

— Sự biết không rộng thì cái lượng phải hẹp, cái lượng không thể học mà hay, cái biết có thể học mà đến.

Nói về khí-lượng, ông nói:

— Lượng là cái đồ đồ đựng vật, lượng mà không lớn thì đựng vật dễ phải tràn dẫy.

Hoặc có người ngờ không hiểu nếu sinh ở đời nay sẽ khó dung được, ông nói:

— Chỉ vậy. Thử xem đời nay, ai hơi có tiếng tăm, tất được quân thương kính mến, huống chi là bậc thánh hiền ư?

Hỏi về các quan đại-thần, ông nói:

— Nguyễn công-Trứ, Nguyễn đăng-Giai mà chết thì còn nói gì. Hoàng Đồng, Bùi Quỳ, Phạm Khôi, Đỗ Quang, Đặng quốc-Lương, Vưu đức Giai, Trần văn-Chương là những người tốt. Hà Duy-Phiến, Phạm chi-Hương là những người có tài. Nguyễn văn Tân, Nguyễn văn Tường, Trần đình-Tú là những người làm được việc.

Khen Ngõ thế-Vinh, Nhữ Bá-Sĩ là những người ham biết rộng. Phê bình văn của Nguyễn văn-Sầu là nhiều thật. Ngụy Khắc-Tuân và Trương Quốc-Dụng thì khen là học văn xéng với khoa mục. Phạm văn-Nghị, Trần văn-Vi thì bảo là người thuần thành. Lê văn Hy, ông Ích-Khiêm, Nguyễn duy-Tự, Nguyễn Tiến-Lực thì khen là nói chuyện kể cũng sáng khoái.

Lại thường nói:

— Ta xem những bậc hiền nhân quân tử đời xưa, lập được nhân cách làm được công nghiệp, đều là người lặng lẽ, tri trọng, thưa nói cười, ít thị dục; còn những kẻ chỉ có cái tài toàn mồn, cái sủng nhỏ nhỏ, lạnh chanh, lấu tấu, nông nổi càn hợp, thích độ: g tác, hay ngổ lộn; đều không thể làm nên trò gì.

Lại rằng:

— Ta đọc sách mới đến những chỗ của tư tưởng, tam quẻ của người quân tử, cho đến kinh châm của Chu-tử, tâm châm của Phạm

Tốt, chưa từng không võ quyền than rằng: «Thánh hiền thiên ngôn vạn ngữ nhưng cái chết lớn vẫn không ra ngoài được chỗ đó». Ta lấy làm hổ thẹn phần nào là chưa theo được như vậy. Ngày nay người ta học tập, tuy không ngoài được lối văn khoa cử, nhưng tìm đến chỗ đứng của lòng, rất không nên rời khỏi cái chĩnh-mạch đó.

Ấy học vấn tư tưởng của ông đại khái như vậy.

Ông tuy ở nhà nhưng các công khanh đại phu nhiều người nhờ đến hoặc thư từ trao gửi, hoặc đi qua miền tất gởi vào chơi thăm. Ai đem những việc lợi, hại, hay, dở đương thời ra hỏi, ông biết đâu nói đó không điều gì giấu giếm.

Vũ Phạm Kiếu bái quan ở nhà, thẩm thoát đã được bảy năm. Đến năm Tự đức thứ 9, tuổi ông đã 50 lại tiếp được mệnh triệu vào kinh lĩnh chức. Khi được triệu mệnh, lòng ông phấn vắn mãi. Sau vì nghiêm đường cố khuyên, hạn thân thúc giục, ông mới quyết kể lên đường. Vào đến Kinh thì đã hết năm, đầu xuân năm thứ 10, mới vào triều kiến, được trao chức Hàn-lâm viện thị-độc, sung làm Bèn tu ở Quốc-sử quán. Ông lại trở vào quán, phần lo về những nỗi sàm báng, phần buồn vì xa cách thân hôn, tiện thoả ngại ngùng, nhưng rồi nghĩ cứ việc yên theo số phận. Ngoài giờ soạn sách, lại cùng các bề bạn chơi bởi, sớm tối, như các ông Bùi Qũy, Tô Trân, Phạm Hữu Nghi, Đặng Quốc Lương, Trần Văn Vi, Lê Lượng Bạt, Hồ Sĩ Tuấn, đều là những chức viên trong quán, và ông Phạm Chi-Hương Lại bộ Tham-tri, ông Đỗ Quang, Lại bộ Tội lang. Các ông Trương Quốc-Dụng, Tôn-thất tập Nguyễn Tư-Giản, Vũ Duy-Thanh, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Huy cũng thường qua lại. Còn các ông Trần Huy-Tích, Trần Văn-San, Ngô Công-Độ, Lê Tuấn, Đặng-Trần Chuyên, Phan Nhật-Tĩnh thì đều lui tới mà giữ lễ là kẻ lớp sau.

Chưa bao lâu, giặc Pháp phạm vào Quảng-nam và Gia-định, quân ta cùng giặc giao chiến

thường bị thua luôn, nhân thế mà có nhiều người xướng nghị việc hòa. Ông thay các bạn đồng quán thảo và dâng lên một đạo sớ, nói cái hại của sự giảng hòa và bàn cử chiến tương ra trận. Đó là đạo sớ thứ nhất dâng lên khi hòa nghị mới nhóm. Ông nói với các bạn:

— Nay mai vấn đề tranh chấp chỉ là chiến với hòa, nhưng chiến mà thắng thì cái thuyết hòa không cần phá cũng phải tự vỡ, chỉ sợ cứ từ hòa thì mình cần hòa cũng không được.

Ông bèn làm bài luận « Hòa nhưng », buột lời cho những chiến-tướng ngoài mặt trận, khiến nhiều người không bằng lòng.

Bấy giờ ông Mai-xuyên Trần Ái ngồi ở nhà ông dạy các con cháu học, có làm bài luận Giả Sinh đề khuyên bóng, ý bảo cứ nói thẳng quá sẽ có lụy cho mình; nhưng ông không lấy làm phải.

Nhân buổi việc biên khảo cấp, vua truyền cho các quan văn võ, xem những văn-viên thuộc dưới quyền mình, người nào có học thức, tài biện, làm sự có chủ kiến và can đáng được, thì đề đạt lên cho vua biết. Các quan trong Sử-quán công cử ông lên, vua truyền ghi lấy tên phòng lúc dùng đến. Nhưng bấy giờ không người cầm quyền chẳng ra gì ông, nên rồi ông vẫn bị khuất lấp. Một hôm vua đem việc nước tự hỏi Mật-viện, ông Trương Đăng-Quế bảo ông rằng:

— Ông có ý kiến sao không tâu bày lên?

Ông nói:

— Tâu bày mà qua tay được tướng-công ư? Nếu tôi có ý kiến mà nói ra được tướng công làm thì dù không tâu bạch cũng chẳng hại gì; còn nếu không làm thì dù tâu bạch cũng vô ích.

(Còn nữa)

IRUC-KHÊ

1) Hái các dưới giặc Đông, bằng khoảng thủy nhà Nam.

2) Đáo tay làm tôi triều Tấn, Tấn mới đã làm, nhưng ông biến chác vấn đề nghĩa - hy là niềm hi vọng của triều Tấn.



TÀI LIỆU

VỀ ĐỊNH CHỈNH NHỮNG BÀI VĂN CỔ

Số 86

Ứng-hòa NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV. — Kim Vân Kiều (Hồi thứ ba)

NẾU lại : Thúy-Kiều viết xong một bài thơ tình, định gửi cho Kim-Trọng, nhưng không biết làm thế nào, nghĩ d nghĩ lạ, đã đến vài ngày. May gặp hôm ấy Vương viên-ngoại cùng vợ con đến ngoại-gia ăn lương thọ, Thúy-Kiều nói dối là có bệnh không đi chờ cho cha mẹ và các em đi khỏi, vội vàng đem vài gia bào và một bầu rượu ngon, chạy đến sau vườn hoa, cốt tìm Kim-Trọng, để tạ tâm lòng tìm theo. Thúy-Kiều mới lên đầu tường ngó vào, đã thấy Kim-Trọng ngồi ngay ở trong ấy. Kim-Trọng thấy Thúy-Kiều mừng rỡ, lên nói rằng : « Cô thật ác, làm tôi đèn chét mắt ! » Thúy-Kiều trả lời : « Tôi lại không biết chàng có tình thết lắm hay sao ? Nhưng lúc nào cũng vương có cha mẹ và các em, không làm thế nào được. » Kim-Trọng nói : « Cô đã biết tôi có kờ tâm, thì dầu chết cũng cam lòng. Nhưng sao hôm nay cô dám cả gan lên đây ? » Thúy-Kiều đáp rằng : « Hôm nay này được cả nhà đi ăn mừng

thượng thọ, em cáo bệnh không đi, cho nên ta lại được gặp nhau, đề tạ cái ơn ngày trước. » Kim-Trọng nói : « Cảm tạ cô-nương đã hao phí nhiều tâm-can ». Nói rồi, nhân lấy thang, trèo lên đầu tường, đề hai người gặp mặt. Kim-Trọng trông thấy Thúy-Kiều như gặp người tiên, lòng vui sướng không thể tả được.

Thúy-Kiều nhân lấy bài thơ hôm trước, đưa cho Kim-Trọng, rồi nói rằng : Đó là tình cảnh một thời, phát hiện ra lời, xin đưa chàng xem, chàng đủ biết cái tình của em ở đây. » Kim-Trọng xem xong, nửa sợ nửa mừng, tả sao cho xiết, vội vàng nói rằng : « Cô-nương có tài tình như thế, khiến cho người ta chết được. Bài thơ này có thể làm cho hoa rụng, không thể nói được ; phẩm người như cúc, đã đến tuyệt đỉnh, tiêu sinh không thể tán được một lời gì. » Thúy-Kiều nói : « Thơ ấy chưa chắc đã là hay, chỉ sợ chàng yêu em quá, cho nên khen đến thơ của em. Nhưng chuyện ấy xin thôi, em có một việc muốn thương-lượng. » Kim-Trọng hỏi việc gì ? Thúy-Kiều đáp : « Em sửa một chén rượu,

muốn cùng chàng uống rượu cho vui, tiếc rằng tường cao người cách, không biết làm thế nào ? » Kim-Trọng mừng lắm, nói rằng : « Cô-nương có mỹ-ý như thế, sao không qua tường nói chuyện ? » Thúy-Kiều trả lời : « Không nên : đây với đây chỉ cách nhau có một bức tường : mạo hiểm leo qua, vạn nhất có việc gì thì làm thế nào ? Tôi nghe vườn này, vốn là của một nhà, phía sau có giếng-sơ làm cách trở, chia làm ba nhà, tường trong chỗ vắng vẻ tịch-mịch này, chắc có lối thông nhau. Tôi cùng chàng vào trong động, xem kỹ một lượt, hoặc có thể đào ra một lỗ nhỏ, hình như một cái lỗ Việt-hiền chăng ? » Kim-Trọng nói : « Có lý, chúng ta xuống đi tìm đi. »

Tìm được một chỗ, hình như cái hang nhỏ, có ánh sáng chiếu đến : đó là mấy tảng đá vỡ, lấm xuống cống-kênh. Hai người mừng lắm, nói rằng : « Cầu Lắm có lối rồi. » Kim-Trọng nhân lấy cây hày nung chỗ hổng cho rộng thêm ra, thành một gian lớn, rồi chui qua khe đá đi lại thụt, gột tay sạch ồm Thúy-Kiều. Thúy-Kiều cụ rằng : « Đại lễ chưa có.

sao dám làm cái thái độ ngông cuồng ấy? Kim-Trọng nói: « May đã được cô nương hứa làm vợ chồng, cái cử-chỉ ấy thì vợ chồng nào khỏi được, chứ có gì gọi là ngông cuồng? Nay cô nương lại cự tôi, hay là đã đổi lòng rồi? Thúy-Kiều nói: « Em không đổi lòng nào cả. Em nghĩ con trai con gái yêu mến nhau, là đại nguyện việc vợ chồng, không việc gì mà hại đến danh-giáo. Chỉ giận cho những người lúc đầu vì tình quá nặng, lắm nghe người con trai, đến khi thành lễ hôn-nhân, thì không phải là xử-hử nữa; nghĩ đến tương lai vô hạn thâm tình, lại hóa ra một trường đại-xu (xấu lớn). Ấy là tại người con gái không biết tự ái, khiến cho người con trai nghĩ ngờ khinh-bạc, dầu hồi cũng không kịp nữa. Thôi Trương là một đôi gười ngẫu, giả sử lúc đầu nàng Oanh biết cự tuyệt, thì về sau Trương-sinh không đến nỗi buồn rầu; hễ lúc trước chính-dính thì lúc sau tất chính-dính. Tiếc vì thời-Oanh khinh thân để thỏa lòng Trương-sinh, Trương-sinh tuy thân được gần kề, mà trong lòng thực đã khinh-bạc! Người ta chỉ biết Trương-sinh bỏ Thời Oanh vào khi du học ở kinh, chính ra đã có ý bỏ từ khi hai bên mới chung chạ cùng gối. Xin chàng nghĩ đến chung-thân, thiếp phải lấy điều chính-dáng giữ mình. Hai chúng ta thời sáo ngậm thơ, trông trăng hừng gió, cái thú thanh-nhã của giai-nhân tài-xử bày ra cho hết, nhưng không mặc vào cái tiếng ác là đảm-phụ gian-phu, thì hai chúng ta có thể làm một cái bằng phong

lưu trong muôn năm danh-giáo, há chẳng phải là việc hay đáng truyền tụng, đáng bắt chước hay sao? Kim-Trọng nói: « Lâu nay hăm mộ, vẫn nghĩ thắm rằng trộm lấy hương thơm, nay nghe chính-giáo, khiến người đã yêu mà lại kính, tuy vui đa tình mà không xấu hổ, tềa-sinh không dám nghĩ tà-lâm như trước. Xin cùng đến lễ quán đề tự-tĩnh chốc lát. » Thúy-Kiều nói: « Đã đi thì đi, đợi thiếp mang rượu tại cù, g chàng hội ngộ. »

Nói xong rồi đi, được mộ, lát thấy đem một bầu và một lọp lại. Kim-Trọng đỡ lấy, cùng Lưu-Kiều cùng đi. Thúy-Kiều nói: « Nhà có trẻ con không? » Kim-Trọng đáp: « Từ lúc cô nương đến tôi sai mỗi bữa đi một nơi. » Rồi cùng vào nhà sách: Thúy-Kiều thấy trên treo một cái biển, viết ba chữ « Thừa phượng hiền », lại thấy bên tả thì tranh, bên hữu thì sách, rất là tềch-mịch, nhân nói rằng: « Caõ này tềch mịch nhỉ? » Kim-Trọng nói: « Nhất là anh học trò ở một mình mà lại gặp cảnh tềch-mịch thì buồn chết đi được. » Thúy-Kiều nói: « Như hôm nay thì không buồn nữa rồi? » Kim-Trọng đáp: « Trừ - phải có Hằng-nga xuống làm bạn thì mới khỏi buồn. » Thúy-Kiều nói: « Hằng-nga ở trên trời kia, có dễ được đâu? » Kim-Trọng nói: « Đây là tôi nói Hằng-nga thật, chứ có vọng tưởng Hằng-nga ở trên trời đâu? » Thúy-Kiều nói: « Tôi đâu dám ví vớ, Hằng-nga, nhưng ví với ngọc không vết, vàng sáng trong, thì tôi chẳng chịu nhúng ai. » Kim-Trọng rót rượu

đưa cho Thúy-Kiều. Thúy-Kiều đỡ lấy uống... Lại rót một chén, đưa cho Kim-Trọng và nói rằng: « Xin lấy chén rượu này nâng khăn sửa túi. » Kim-Trọng đỡ lấy nói rằng: « Được cô nương ban cho chén quỳnh-tương này, xin chúc cùng cô-nương sống lâu trăm tuổi. »

Uống xong, Kim-Trọng nhân lấy những thơ xia may để vịnh đưa Thúy-Kiều chấm. Thúy-Kiều nói: « Lâu lâu tú kịêu (lòng nghĩ ra như gấm vóc, miệng nói ra như thêu, ý nói vầu-chương hay) thật là danh-nhò một đời, không biết nhà thiếp có phúc được xứng đáng không? » Kim-Trọng nói: « Sao cô nương lại nói những câu g'ê-lạnh ấy, hay là nghĩ tôi có điều gì chẳng? » Thúy-Kiều đáp: « Thiếp không phải ngại chàng đâu, chỉ vì thiếp nhớ năm còn bé, có một người thầy tướng đoán cho thiếp rằng: một đời tài-tình, ng'ỉa-thu bạc mệnh. Hôm nọ thiếp đi chơi hội đệp-thanh trở về, lại mộng thấy Lưu Đạm-Tiên, đưa cho thiếp mười đầu bài về đoan trường, cứ mộng tr'ệu ấy sợ thiếp với chàng không thành vợ chồng! » Nói xong chảy nước-mắt. Kim-Trọng bắt chén rượu thờ rằng: « Tôi là Kim-Trọng, nếu không lấy được Thúy-Kiều làm vợ, xin như chén rượu này. » Thúy-Kiều vội vàng gạt nước mắt, nó rằng: « Tôi p' lỗi rồi, ngày nay ta l'p nhau, sa la nói đến việc đoan-tr'ên b'ên-cửa chết rất lạ ch'én khác hai người đối ầu r'ái vai. Cho thấy tr'eq vách có bức tranh vẽ (v' thông ch'ra đề thơ, Thúy-K'ia nó bức tranh này vẽ vẽ đ'ạm-vàng s'q-l'ực (màu vàng l'ợt, màu l'ực

thừa thớt) rất là khéo, sao không đề vịnh?» Kim-Trọng đáp: «Bức tranh ấy chính tay tôi vẽ, chưa kịp đề chữ, cô-nương ngẫu hứng vì tôi mà làm cho tăng sắc được không?» Thúy-Kiều đang hứng rượu thề thốt, vút cổ tay-hưng, bèn nói rằng: «Đã là tay chàng vẽ ra, thì thiếp xin vâng lĩnh tôn-ý, dầu-dám giầu vụng.» Rồi cầm bút đề một bài thơ tứ-tuyệt rằng:

*Thập nguyệt khinh hàn điệp
vị điều,*

*Đạm-hoàng sơ-lục đoản trường
điều.*

*Vô tình hữu thái kham lân xử,
Nhật giác vân đầu lưỡng bán
yếu,*

Ngĩa là:

Tháng mười rằm ngọt mà lá chưa rụng (ả cây, thông); màu vàng thì ạt màu lục thì thừa, cảnh dài cảnh ngắn so le (núi vẽ, nét vẽ); một bên vô-tình, một bên hữu-ý là chỗ hai bên thương nhau; ở góc mặt trời ở đầu đám mây, hai nửa chỉ thấy dang lưng (ả cảnh vẽ khéo, chỉ vẽ một nửa cây hoa, một nửa mặt trời mà trông rất đẹp).

Kim-Trọng thấy Kiều đề vịnh mau chóng mà có ý-vị mới mẻ, bèn khen hết sức, thật là mỗi chữ mỗi viên ngọc, dẫu có mười tám tòa thành liền nhau cũng không đánh đổi được cái tài ấy. Thúy-Kiều nói: «Xin chàng chớ khen quá như vậy.» Kim-Trọng nói: «Về lời khen thù-phụng thì tôi không hề có lòng nào đối với cô-nương như thế.» Thúy-Kiều hỏi: «Như ý chàng, thì thế nào?» Kim-Trọng nói: «Như ý tôi, thì làm một vàng đề cho thuyên-quyên ở nơi xứng đáng.» Thúy-Kiều nói: «Tôi sợ tôi là người bạc-mệnh không được hưởng cái phúc của

chàng.» Kim-Trọng nói: «Cứ như tôi xem ra, thì cô-nương là tiên-nữ trên trời, tạm dấy xuống trần; tôi là trần-cốt, được thấy bóng sáng thừa, tuy đốt hương cúng dàng, còn sợ chưa được, há những làm nhà vàng đề ở mà thôi!» Thúy-Kiều nói: «Cảm ơn chàng có lòng quá yêu, nhưng không biết cái đời thiếp có báo đáp được tấm lòng yêu của chàng không?» Rồi gục vào trong lòng Kim-Trọng khóc nức nở, nói không ra tiếng. Kim-Trọng nói: «Hai chúng ta đã chi nguyện như thế, bền như sắt đá, thì ông trời cũng nên thương chúng ta, mà làm cho thành việc.» Thúy-Kiều nói: «Tạo hoá ghét dầy, mà đến việc ghét tài ghét đẹp lại quá lắm, chàng không thấy việc Kiều Hồng dấy ư?» Rồi lấy vật áo lau nước mắt. Kim-Trọng nói: «Thôi! cô-nương cứ yên tâm, vạn nhất có xảy việc gì bất trắc, tôi cũng xin xuất sinh nhập tử, để cho toại lời thề ấy, chứ không chịu làm người bạc hạnh, để phụ một tấm chí tình của cô-nương hôm nay.» Rồi ôm lên trên chiếu; lại rót rượu. Thúy-Kiều nói: «Ngày đã tối rồi, sợ cha mẹ về, biết đến thì không hay.»

Kim-Trọng nghe Kiều nói về, thì lộ vẻ buồn rầu. Thúy-Kiều lại nói: «Thiếp cũng không nỡ dời chàng, nhưng mà nghĩa chưa nên, xin chàng, chịu khó chờ đến lễ hợp cẩn. Còn như hôm nay, may mà cha mẹ thiếp chưa về thì chúng ta lại thắp đèn nói chuyện suốt đêm.» Kim-Trọng nín lặng, gật đầu mà thôi. Thúy-Kiều thu nhặt những bầu đựng rượu và hộp đựng gia hào đem về nhà. Kim-Trọng

đưa đến giả sơn, chợt nghe có tiếng gõ cửa, Kim-Trọng trốn về. Thúy-Kiều cất bầu và hộp một chỗ, vội vàng ra mở cửa, thì ra không phải cha mẹ Thúy-Kiều, đây là một người nhà về báo tin cho Thúy-Kiều biết vợ chồng viên ngoại đêm nay không về, báo cô-nương đóng cửa đi ngủ sớm. Thúy-Kiều nói: «Hiểu rồi», trong lòng mừng rằng Kim-Trọng thật là có duyên, cái lời hẹn thắp đèn nói chuyện suốt đêm, lại hoá ra thật, rồi sửa sửa rượu và gia hào, theo đường giả sơn, thẳng đến nhà sách Kim-Trọng.

Lúc ấy Kim-Trọng đang tựa ghế thiu thiu ngủ, Thúy-Kiều đến trước mặt nói rằng: «Mộng Tương vương còn chưa tỉnh ư? Thần nữ đã xuống dương đài đây.» Kim-Trọng giật mình tỉnh dậy, nói rằng: «Mộng hay là thật-dây?» Thúy-Kiều nói: «Tuy bây giờ là thật, biết đâu sau này không là mộng! Chàng nên nhận kỷ-chữ ấy.» Kim-Trọng nói: «Sao cô-nương lại đến đây được?» Thúy-Kiều đáp: «May cha mẹ em chưa về, em lại đem rượu và cá để thưởng cho vui.» Kim-Trọng nói: «Rượu thông thả sẽ uống, cái lúc giờ tốt khó gặp được, huống ba sao giữa trời, chính là thời-giờ minh-thệ tốt lắm. Minh-thệ xeng, ta sẽ uống rượu không muộn gì.» Thúy-Kiều nói: «Thế thì phải viết ra chữ, xin chàng viết đi.» Kim-Trọng liền cầm bút viết bài minh-thệ rằng: «Đồng-tâm nhân Kim-Trọng Vương-Thúy-Kiều, mỗi niên nguyệt nhật thời, sinh cần dĩ tâm hương nhất trụ, thủy lễ nhất chi, định minh và đạo-thiên hậu-dạ chi linh. Thiết văn: Phu-phụ thượng

nghĩa, nghĩa tại chung thân bất
đãi; nhi - nữ đa tình, tình tại tử
sinh vô phụ. Tiền thời Kêu nguyên
hữu gia, Trọng nguyên hữu thất,
Huyền tài mộ sắc, dĩ thâm kết hồ
đồng-tâm, Kim nhật, Trọng lự kỳ
thủy, Kêu lự kỳ chung, lịch dõm
khuyên tâm, cảm ngôn minh vu
đi nhật. Tự minh chi hậu nam
kỳ cửa tử vô biên, nữ thệ nhất
tiết chung thân. Tổng ngoại lai
chi biến, hoặc hữu bất trắc, nhi
ngô tâm vĩnh tĩ đoán tĩ nhất
định. Cầu thân thử mình, thần
thiên cộng giám », nghĩa là:
« Người đồng - tâm là Kim - Trọng
và Vương - Thúy - Kêu, năm tháng
ngày giờ này xin dâng một nén tâm-
huong, một chén rượu lại, cùng
thề ở nơi linh khí gởi cao đất
đây. Trộm nghe vợ chồng chung
nghĩa, nghĩa ở chung thân không
đời; nhi - nữ đa tình, tình thời
sống chết không phụ. Trước kia
thì, Kêu muốn có đồng, Trọng
muốn có vợ, thương tài mến sắc,
đã thâm kết hạn đồng-tâm. Nay
nay thì, Trọng lo về trước, Kêu
ngĩ về sau, trái mặt phôi lòng,
đám đầu thề vào ngày khác. Sau
khi đã thề, bên trai thì mong
rằng đầu chín phần chết một
phần sống cũng không đời; bên
gái thì thề rằng một tiết trọn đời
nếu có tai biến ở ngoài lại, hoặc
có việc không ngờ, thì lòng ta
chẳng quên, phải quyết đoán nhất
định, nếu trái lời thề ấy, thần
thánh trên đất cùng soi xét ».

Hai người cùng lạy trời đất,
đọc tờ minh thệ, thề xong, mới
đem hồ rượu và gia-hào để cùng
thưởng ngoạn, rất là vui vẻ (lược
dịch Kim Vân Kiều truyện của
Thanh-tâm tài-nhân, bản sao của
Bác-cổ, số sách A 953, tờ 24 a-
31a).

(Còn nữa)

Ứng-hoà NG-VAN-TỔ

Bụi đời... gió cuốn,

ẤY LÀ CON LONG-MÃ !

NGÀY xưa, có một quan-lớn. Quan-lớn ấy đã năm ngo
nghĩa là tuổi con ngựa. Lúc quan-lớn đỗ cử-nhân cổ
nhà sung-sướng bảo với mọi người bằng cái giọng Tào h o
khen con là Tao-Thực : « con thiên-lý mã của họ nhà ta đây ! »
Họ nhà ta lại tán rộng ra nào thâu - mã u, long cầu mã u,
nghĩa là... , rút cục quan-lớn có quý tướng của con ngựa.

Trong thời kỳ Pháp-thuộc, quan đã nức tiếng là « rung-
thần lương quốc » ! Nhiều người bảo quan sở dĩ chèo vùn vut
trên thang công danh là vì có tấm lòng trung' ấy nhưng xét
cho kỹ ra thì cũng không đủ q hần. Quan sở dĩ mới mười
lăm năm mà làm tới Tể tướng chỉ vì quan đã biết dùng cái
tài-ba của mình phải lúc và phải chỗ. Có gì đâu, hồi quan còn
tri phủ Vĩnh lương, một hôm, luo sừ và vợ sang đô tẩn-xa ;
trông thấy lại vợ lão sừ còn ngộp ngừng thì quan lớn nhà ta
đã vội vàng khom lưng xuống để cho bà-dầm « không nhong ».
Y chỗ cá hần-lực của y một cách... con ngựa quá khiến y
huyền móm lúc ấy cũng đứng đấy cũng phải nao lòng mà
bật ra thơ :

Khon khôn phủ vĩ h kléo khôn ngấm !
Phở - phỉn ca tây cổ g mẹ dầm
Đồ - vá lấp tai đầu ngẩn ngẩn,
Hai tay bung « dách » mặt bầm bầm.
May thay sương cứng ơn nhờ tở
Nếu phải đường ra chết bỏ bầm !
Gặp cựa phủ Hoài tền bảo nhỏ
Bữa tay thủ - t i nhủ nhau thắm

Nghe đâu lúc hấp hối, quan có dặn con cháu khắc bài thơ
ấy cheo ở nhà thờ để ghi cái công-nghiệp « hần mã » của đời
mình. Chẳng biết sau con cháu họ liếc liếc có khắc không, chỉ
biết dân « mình được cái nhử đại lắm. Và tên quan-lớn vì bài
thơ ấy mà thanh bất-lũ.

Có Lĩ

Một vấn đề can hệ trong lúc này :

Giấy bạc và giá sinh - hoạt

NGÔ CÔNG

TRONG những năm gần đây, giấy bạc mỗi ngày một nhiều, giá sinh-hoạt cũng mỗi ngày một tăng. Trên bản thống kê, con số giấy bạc và con số giá sinh-hoạt lên theo hai đường dốc gần giống nhau.

số giấy bạc lưu hành trong số Đông-dương		giá sinh - hoạt lấy năm 1935 làm tiêu-chuẩn	
triệu bạc		1935 = 100	
1935	38,3		78
1936	113,4		76
1937	151,3		93
1938	173,8		107
1939	216,3		124
1940	280,4		145
1941	346,7		178
1942	494,2		231
1943	740,4		375
1944	1.350		667

Người dân không phân biệt bên nào là nguyên nhân, bên nào là kết quả, chỉ thấy :

1 — bạc càng nhiều thì giá sinh hoạt càng cao,

2 — giá sinh hoạt càng cao thì giấy bạc càng nhiều hơn,

3 — và giấy bạc càng nhiều hơn, thì giá sinh-hoạt lại càng tăng hơn nữa...

Cái vòng quẩn-ốc ấy xoay vần chưa biết đến lúc nào dừng. Càng xoay vần, càng quẩn chặt lấy người dân, đã gây ra cái thảm cảnh đói đói đầy đường, đầy chợ.

Biết bao nông dân, cây sắn suối bầm, đã chết đói vì hoa lợi

còn lại phải mình, không đủ nuôi sống thân mình !

Biết bao người thợ, sức-năng, cần-mẫn, đã chết đói, vì tiền công không đủ nuôi sống họ !

Nếu không có một sức mạnh của Chính phủ Việt-Nam độc-lập hăm cai vòng quẩn-ốc kia, thì rồi đây — toàn-thể hàng người mưu sống bằng sức sinh-sản của hai bàn tay, từ nghề cạo giấy đến nghề cạo tượng, sẽ phải chết đói.

Cái tình thế nguy ngập này — di sản của Chính phủ Đông dương — chứng nhận một sự thất bại rất nặng nề trong công cuộc Đ-chức (bav thiếu tổ chức) nền tài-chính ở xứ ta.

Ta thử tìm nguyên-nhân.

Vào khoảng 1938, nước Pháp đã bị dồn vào thời kỳ dự bị chiến tranh. Đông-dương — « con cưng của nước mẹ » — đã bắt đầu phải giúp, bỏ của ra giúp. Bao nhiêu vàng, bạc còn lại trên giải đất chữ S, đã sẵn sàng cấp bậc để lên tàu thủy đi Tây. Ở các mỏ khoáng sản, và ở các chi - điểm Đông-dương ngân-hàng, đã có lệnh khẩn thu dần những đồng hào bằng bạc.

Khan hào — một trở - lực bắt đầu nhem trong vấn - đề tiền - tệ.

Đề bù vào chỗ trống bởi hào khan, những người có trách-nhiệm

tổ-chức tài-chính ở Đông - dương dùng ngay một phương-pháp dễ-dàng nhất : phát - hành thêm 20 triệu giấy bạc. Họ dùng chính-sách lười-biếng để chữa một chính-sách bất-lực.

Năm 1939, nước Pháp lâm vào chiến-tranh, Đông dương lại càng phải giúp nhiều hơn nữa. Nguyên-liệu khoáng-sản, lâm - sản và nhất là nông - sản, cũng cấp bến lên tàu, nối theo vàng và bạc.

Chừng ấy của cải ra ngoài Đông dương, là chừng ấy giấy bạc thêm vào nền kinh tế Đông dương. Vì không phải người Pháp, đã « lấy không » vàng, bạc, nguyên liệu của chúng ta, họ đã « mua » những của cải ấy — mua bằng giấy bạc !

Thêm vào nạn khan hào, nạn nhiều bạc giấy, bắt đầu hoàn thành người tiêu thụ ở Đông dương.

Công thái 44 triệu phát hành năm 1938 không đủ gây lại thặng bằng của cán cân cung cầu : giấy bạc và hàng hóa.

Rồi tiếp đến cuộc bại trận Pháp, cuộc đổ bộ của Nhật bản ở Đông dương. Đồng bạc (Đ) bị sụt giá theo luật cung cầu, lại còn bị sụt thêm vì ta bắt đầu hoài nghi Đ, ta chạy trốn Đ.

Chạy trốn để đi tìm một bản vị khác hẳn hơn: vàng, bạc được nhiều người mua, lên giá — để làm cho giấy bạc sụt giá, rồi đến những đồng hào bằng bạc, xu đồng, tiền đồng cũng được nhiều người chuộng — cũng lên giá — cũng để làm cho giấy bạc sụt giá. Ảnh hưởng của phong trào ấy là sự tăng giá của hết thảy các thứ hàng hóa.

Hàng hóa tăng, là giá sinh hoạt tăng. Giá nhân công cũng phải tăng thì mới đủ nuôi sống người làm việc. Chính phủ thực dân «khoan hồng» thêm lương, lần thứ nhất, cho công-chức.

Lấy gì để thêm lương? Trong ngân-sách, món thu hệ-trọng nhất: thuế thương-bánh, đã bị sụt vì chiến-tranh; món chi về lương công-chức, nếu phải tăng, thì lấy gì để trang-trải?

Lấy gì để trang-trải những khoản chi về chiến-tranh?

Lại vẫn dùng cách giải-quyết lười-biếng năm trước: vay ở Ngân hàng phát-lành. (1) Đông-dương ngân-hàng chuyển-giao một số giấy bạc cho Kho-bạc. Kho-bạc dùng số giấy bạc ấy để trả thêm lương cho công-chức, cũng như để tiêu về chiến-tranh.

Cách-giải quyết dễ-dãi ấy, vẫn theo cán cân cung cầu, đã làm cho \$ sụt một giá nữa. Chính-phủ Decoux đã dùng giấy bạc — chỉ độc dùng giấy bạc — để «nâng cao đời sống cho công-chức» 5 lần tức là đã 5 lần, bất buộc nóng, công, thương tăng giá hết thảy các thứ sản-phẩm.

(Xem tập trang 30)

Thuyết chính danh...

(Tiếp theo trang 5)

8.) Nguyễn-Thái-Học. — Lãnh tụ Việt Nam Quốc dân đảng, bị sinh cả đời về việc nước, chỉ chưa được thành, thân đã bị hại. Trong thời Pháp thuộc có sai đảng viên hành binh hai nữ gián điệp ở ngõ Tri Tri trên phố Đường Cát. Vậy nay, nên lấy con đường từ ga An-Dương gồm phố Đường Cát giải thẳng qua ga tư là phố Clémenceau, đến tận ngã sáu, gọi là đường Nguyễn-Thái-Học để ghi nhớ cái chí bình sinh của một trang thiế-miền anh kiệt.

9. Trần-Quốc-Tuấn — Năm Đinh Hợi (1287) quân Nguyên lại sang báo thù, sau trận Vân Đồn Trần khánh Dư cướp được lương thảo của giặc, Đức Trần Hưng-Đạo được tin báo Ô-Mã-Nhi kéo quân về đến Bạch đả g. ngài bèn bỏ quân sĩ, trở sông Hóa mà thề rằng: «Trận này không phá xong giặc Nguyên thì thề không về đến sông này nữa.»

Quân sỹ đều băng hái xin quyết chiến, lúc quân sang qua sông Hóa, voi của Ngài bị sa lầy mà chết, ngài lại kéo quân qua dây thừng ra Bạch-đẳng giao chiến, rồi bắt sống được Ô Mã Nhi. Hẹp làng Phú xá gần thành phố Hải-Phòng cũng có đền thờ ngài.

Vậy nên lấy con đường suốt Sân kho từ chùa Đổ đến bên đò Bình gọi là đường Trần Quốc Tuấn để kỷ niệm trận Bạch Đằng giang (ngày tháng ba năm Mậu Tý 1288).

10.) Phan-Bội-Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn-thượng Hiền Tăng-

Bạt-Hồ đều là những vị trí sỹ đi ra Hải ngoại để mưu đồ việc nước, có trăn trối ở đây cả, vậy nên nhớ lấy tên những vị đó mà đặt để ghi cái dấu vết cuộc đông du.

Đến như các công viên, việc lựa chọn tên lịch sử đặt vào cũng cần phải có một chút ý nghĩa; như vườn Bá-h thảo tức là vườn hoa Huyện Rào nên đặt là Công Viên Hồng Đức vì vườn đó to nhất của thành phố mà Hồng Đức là niên hiệu (năm 1470-1497) của vua Lê Thánh Tôn là thời kỳ thịnh nhất Triều Lê.

Vườn hoa Jules Ferry nên đổi là Công Viên Vạn Xuân quốc hiệu của ông Lý Bôn đặt năm giáp tý (544) khi đã đánh phá quân Lâm Ấp và đuổi quân nhà Lương lên làm vua xưng là Nam Việt Đế.

Vườn hoa trước nhà hát lớn nên đổi là Công viên Độc Lập để kỷ niệm nền độc lập ngày 25 tháng riêng, vì độc lập tuyên bố ở đó.

Trên đây là ý kiến thồn cận của tôi theo thể cách xưa nay và thuyết chính danh mà tạm phác còn mong các học giả lưu-tâm xem xét kỹ càng, đặt lại ền các đường ở các tỉnh cho xứng đáng sau này là một nước văn hiến trong cõi Á đông, để khỏi phụ á công xây đắp của tổ tiên ta hơn bốn nghìn năm nay vậy.

Núi kia ai đắp mà cao?

Sông kia ai bời ai đào mà sâu?

(Ca dao)

LONG ĐIỂU

Yêu - Ly

(hay là « Yêu Ly, nương sức gió »).

LƯU-QUANG-THUYẾT

KỊCH DÀI BẢNG THƠ

Ba hồi và một khai-từ
Ba cảnh

CÁC VAI

Yêu Ly

Vợ Yêu Ly

Con Yêu Ly (3 tuổi)

Tiêu khầu Tổ

Ngô-hạp Lư

Quân-sư

Võ tướng

Khánh-ky

Thăm mưu

Tả hữu của Hạp-Lư

Tả hữu của Khánh-Ky

Quân chèo

Khai-từ

(Cảnh một)

(Mở màn, cảnh đêm trong lớp nhà tranh của hàn-sĩ. Bện vách có đàn và giá sách. Lùi vào trong có án-thư đèn bắc trên chiếc kệ thấp.

Vợ Yêu Ly quay lưng dưới ánh đèn lưng về bên trái, đầu cúi trên xa tơ, tóc hơi trễ-tràng).

Lớp I

Vợ Yêu Ly

Vợ Yêu Ly (dừng tay nhìn ra cửa)

Chàng dự tiệc sao bồi-gia quá muộn!

Nhà Khương-Lang chỉ nửa dặm cùng thôn...

(quay liếp)

Thương phu quá nghĩa-khi nặng tâm-hồn,

Thời-thế khuấy, can-trường thôi cũng phí.

Đàn với rượu không làm khuấy ân-sĩ,

Năm trôi qua thêm lòng ngán-ngao lòng!

Phận thoa-quần thiếp chẳng dám chỉ mong,

Buồn cho nỗi may râu không thỏa-nguyện,

Lớp II

Vợ Yêu Ly. Con Yêu Ly

Vợ Yêu Ly (thấy con từ trong ra)

Con không ngủ?

Con Yêu Ly

Thưa mẹ vì nghe tiếng

Mẹ buồn nên con thức giấc.

Đêm khuya sao cha con dự tiệc mãi chưa về,

Khến mẹ đợi trong bốn bề đêm tối?

Vợ Yêu Ly

Vui trong tiệc không thấy giờ qua vội.

Cha con buồn tỉnh thoảng muốn say-sưa.

(vuốt ve con)

Từ lâu năm, mắt mẹ đã quen chờ,

Nhiều đêm tới lúc gà xa gáy sáng,

Đèn leo-lắt với giường tơ có bạn.

Nhưng khuya rồi thôi vào ngủ đi con.

Con Yêu Ly

Mẹ vẫn ngồi, con vào ngủ sao ngon?

Chao con thức để chờ cha một thể.

Vợ Yêu Ly

Lòng tôi ấm nghe lời ngoan miệng trẻ!

Trời ơi sao vầng trán giống như in!

Cằm hiên-ngang và đây nửa mặt nhìn,

Lời êm ái tưởng là nguyên giọng nói.

Cho thiếp sống tới lưng còng trán hói,

Cho thiếp nhìn mắt nọ chói non sông !
 Cho thiếp nghe từng bước của con, chồng,
 Đi vững-chải trên dặm hồng bụi cuốn.
 Chén tân-khổ, nếu cần, đưa thiếp uống ;
 Thức canh gà, cần, sẽ thức muôn đêm.

Con Yêu Ly

Yêu trong người mẹ còn muốn thức thêm,
 Cần chi phải mẹ ngày đêm chịu khổ ?

Vợ Yêu Ly

Chân con thơ mới là chân bé nhỏ,
 Lớn lên rồi chân sẽ bỏ chân đi.
 Mẹ sẽ cùng đèn lụn đếm canh khuya,
 Lòng mẹ gọi theo con xa cách dặm,
 Canh khò béo cho hoa tươi nở thắm.

Con Yêu Ly (ôm cổ mẹ)

Con sẽ làm đời mẹ sướng vui luôn.
 Con không đi con không để mẹ buồn.

Vợ Yêu Ly

(nửa như hỏi với con nửa như nói một mình)
 Con không nhớ những lời cha vẫn dạy ?
 Con sẽ sống khắp phương trời bay nhảy,
 Mũi tên bông đã bắn lúc sinh con.
 Mong thận trai đừng hồ với nước non.
 Nhớ từ thuở bào-thai trọng bụng mẹ,
 Chân tay con mỗi lần nghe chuyển nhẹ,
 Tính tháng ngày mẹ sung sướng bao nhiêu,
 Sinh ra con mơ ước lại tăng nhiều,
 Trông chống lén đề vấy vũng mưa gió.
 Mẹ hằng tưởng ngày con ra khỏi ngõ,
 Chấn tung hoành, lòng thở gió trăm phương...

Con Yêu Ly

Nhưng con đi để mẹ thức đêm trường
 Ngày tóc bạc lại vì con khổ trí...

(*Yêu Ly về tới cửa*)

LỚP III

Vợ Yêu Ly. Con Yêu Ly. Yêu Ly.

Vợ Yêu Ly.

Chào phu tướng.

Yêu Ly.

Phu nhân sao chưa nghỉ ?

Vợ Yêu Ly.

Thiếp đợi chàng.

Yêu Ly.

Quá phồn tạp phu nhân !

Ta đi nấu canh, nàng thức kẻ bao lần
 Và con nữa sao giờ khuya chưa ngủ ?

Con Yêu Ly.

Càng với mẹ, con thức chờ thân phụ
Yêu Ly.

Canh hai rồi, ai bắt thức, con ta !

Vợ Yêu Ly.

Quay khoanh tơ, nhân thề thức trông nhà
 Và đợi cửa, phu quân sao nở cấm.

Con Yêu Ly.

Không có mẹ, con nằm không, đủ ấm
 Nên ra ngồi bên, ngắm mẹ quay tơ.

Yêu Ly.

Khổ thay cho tôi, vợ thức con chờ !

Vợ Yêu Ly.

Lời quá dạy. Khuya rồi, trăng xế bóng,
 Chàng vào nghỉ, cửa ngoài thôi thiếp đóng.

Yêu Ly.

Không, không nên — Nàng đề mặc cho Ly.
 Hôm nay ta nằm đợi suốt đêm vì...

Vợ Yêu Ly.

Ai sẽ đến ?

Yêu Ly.

Một người trong bữa tiệc

Vì kiêu ngạo đã bị ta mắng nhiếc.

Vợ Yêu Ly.

Ai ?

Yêu Ly.

Người phương xa, tên Khấu Tổ họ Tiêu,

Nghe phong-phanh đường vẽ nghệ ít nhiều

Nhưng lời nói khoe khoang ; theo miệng gã

Thì Lôm trước giao phong cùng Hà bá

Dưới lòng sông — thủ đoạn quá phải thương —

Hào-kiệt trên đời không sức tương đương...

Ta ngưng chén buồng cao lời xỉ mệ,

Gã cũng lý không biết gì nói trả ;

Nhưng vũ-phu đã nộ-khi lên đầu,

Con giận này gã chẳng bỏ qua đâu :

Hôm nay sẽ đến nhà ta rửa nhục.

Chợ gã đến !

(*Còn nữa*)

LƯU-QUANG-THẠ

GIẤY BẠC...

(Tiếp theo trang 17)

Nói rằng chính-phủ bất lực và lười biếng ấy không đề ý đến việc cải thiện văn-đề tiền-lệ, thì cũng hơi lgoa. Máy in cầm đầu ở Đông-dương hình như đã nhận ở bóp trái để giữ lấy giá cho \$

Để tránh nạn khan hào, họ đã p át hành rong từng năm 1940, 41 và 42, 15 triệu ào « gô », thứ ào bằng kền pha đồng, và hơn 1 triệu xu kẽm. Năm 1942, họ đã mua ở Nhật 600.000\$ bằng xu 1/4.

Nhưng những con số ấy có thắm gì được hào g ấy và xu giấy!

Xu thỏi, 5 xu và 1 xu, xuất-hiện năm 1943, lại càng đặt thêm một tiêu-biểu rõ ràng cho sự sụp giá quá chừng của \$

Đó là tang-chứng của một chính phủ bất-lực trong văn đề tiền-lệ.

Ta đã thấy rõ nguyên-nhân. Ta đã biết cái gì là động-lực khiến vòng quẩn-ốc trên kia xoay vần đề quẩn lấy người tiêu-thụ ở Đông-dương cho đến nỗi phải chết đói.

Là phẫn-tử của nước Việt-nam, ta có bổn-phận giúp đỡ Chính-phủ Việt-nam độc-lập để hãm cái vòng bấn-ốc nguy-hiểm ấy. Hiện-thời, ta đã cầm được đảng cán; ta không cần chạy trốn \$ nữa. Ta đã có thể tin ở \$ rồi. Một ngày gần đây, Chính-phủ Việt-nam ta sẽ có thời-giờ (và quyền-hạn) đề nói-chuyện với Đông-dương ngân-hàng, đề nhận lại thực-giá của ngót 2 nghìn triệu giấy bạc mà ngân-hàng ấy đã tung ra trên đất nước Việt-nam.

NGÔ-CÔNG

(1) Tình đên cuối năm 1944, kho bạc nợ Đ. Đ. N. H. 200 triệu l

HƯƠNG BÌNH

(Tiếp theo trang 7)

nhưng chưa quen kỷ luật, lúc vào lính điều khiển chưa được chỉnh tề. Ta ngày đêm lo nghĩ thương dân, nuôi quân, bắt chước cái ý « ngụ binh ở nông » của người xưa. Nhưng thời thế đổi thay, chọn cai phải mà làm, duy lối phủ binh của nhà Đường rất là phải phép, phải nên chăm chúc thi hạnh, bèn đặt các phủ ở 4 trấn, mỗi phủ đặt một vệ, chọn một quan văn, một quân võ làm Tuân phủ quân lĩnh quân trong vệ, chiêu theo xã nào thuộc phủ nào, cử 5 người dân lấy một người lính, cấp cho lương tháng, sung vào đội ngũ, thay đổi phiên ở lại làm việc cốt cho tính thuộc, để dùng vào võ phục, có cái trách nhiệm riết xung bỏ hẳn cái lo hoàng trị lộng giáp. Ấy là thi hành theo thời, chuẩn cho chăm chúc đời xưa, không phải là muốn thay đổi đề bầu ra những việc mới đâu! Lối ban ra thi hành ngay, nhưng tuyên bố xa gần đề đều mắt thấy tai nghe...

Thi hành tờ chiếu dụ trên lúc ấy mỗi vệ đều đặt 1 chức Đội trưởng, cho vệ quan kén chọn lấy binh viên trong làng và tổng trưởng phải xếp thành danh sách dâng lên chúa Trịnh, nộp ở Bình phụng, bèn phiên chép lệnh ban cho làm việc.

Các vệ quan lại được phép chọn ở trong hạt, tìm chỗ đất tiện lợi, cào lấy 40 mẫu quan điền đề làm vệ sở, các công việc đều dưới quyền kiểm soát của quan Trấn Thủ, nếu khi có việc cần cấp phải thay nhau tùy cơ đánh giặc hay chống cự.

Đến năm Cảnh-Hưng thứ 9

Trước giờ cứu quốc

(Tiếp theo trang 6)

Trước bàn thờ của tổ quốc, kêu hiệ độc nhất của mọi người là :

« Đoàn kết và hi sinh để chiến đấu cho nền độc lập »

Ông cha chúng ta và chúng ta đã từng hiệ sâu xa cái nhục của cảnh nước mất nhà tan.

Đừng để con cháu chúng ta phải làm tội mọi hợn sai lạng trong muôn kiếp.

Hãy bỏ hết cảm tình vụn vặt nó trôi buộc chỉ tiền thù của chúng ta.

Hãy lãng quên những tình yêu gia quyến nó làm mềm yếu tinh thần chiến đấu và chí quật cường của chúng ta.

Hết thảy mọi người hãy đem xương máu cứu vớ non sông trong những giờ nguy k'ch.

Đứng hết cả án, hỡi các bạn đề chờ tiếng gọi của tổ quốc!

PHẠM-MẠNH-PHAN

(1748) đem vệ binh ở phủ đặt ra cơ đội; 300 người làm một đội, 400 người làm một cơ.

Năm thứ 10 cũng niên hiệ Cảnh-Hưng (1749) ở Sơn-nam có hai Nhất hùng, Nhị hùng và 6 đội: Hùng nhất cho đến Hùng lục. Ở Kinh Bắc có 2 cơ: Nhất dũng Nhị dũng và 5 đội: Dũng nhất đến Dũng ngũ (1).

Sét trong thời Cảnh-Hưng giặc già như ông nên phải dùng ca đến hương binh, tức là thi hành chỉnh sách « tận dân ví binh ».

Hện nay, nước ta cũng đang ở vào trường hợp đặc biệt cần phải có một quân đội ứng phó, há không nên soi gương các triều triều mà tu chỉnh việc võ bị.

TIÊN-ĐÀM

1-) Trích ở tài liệu trong cuốn lược khảo binh chế Việt nam đơ soạn.

TẠP-CHI VĂN-HÓA: Do nghị định ngày 8 tháng hai năm 1941

Chủ-nhiệm kiêm quản lý: Nguyễn-Trường-Phượng

Nhà in Tri-Tân số 95-97 Chancéaulme, Hano